TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 41/2023/QĐST-DS	*T, ngày 13 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Áp dụng Điều 357 và Điều 323 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 212 và 214 của bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, mục 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 179/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phương Đ1;

Địa chỉ: 41&45 đường Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ Tâm – Nhân viên, Ngân hàng TMCP Phương Đ1;

(giấy ủy quyền số 28/2023/UQ – OCB ngày 06/02/2023)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Lương Đ 1990;

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Thôn 4, xã C, huyện T, thành phố H;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

Ông Nguyễn Lương Đ1, sinh năm 1969;

Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1969;

Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1993;

Ông Nguyễn Lương S, sinh năm 1996;

Cháu Nguyễn Diệu A, sinh năm 2005;(con anh Đ, chị H)

Cháu Nguyễn Ngọc D, sinh năm 2007;(con anh Đ, chị H)

Cháu Nguyễn Thị Yến V, sinh năm 2012 ;(con anh Đ, chị H);

Đều cư trú tại: Thôn 4, xã C, huyện T, thành phố H;

Bà H, ông Đ1, bà S1, bà X, ông S ủy quyền cho ông Đ (theo giấy ủy quyền ngày 14 /02/2023)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Lương Đ và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả Ngân hàng OCB sô tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng 0050/2020/HĐTD-OCB- CN ngày 27/4/2020 và Hợp đồng tín dụng số 0063/2020/HĐTD-OCB- CN ngày 25/5/2020 và các khế ước nhận nợ đã được ký kết, tạm tính đến ngày 04/4/2023 là: 808.627.764 đồng (Tám trăm linh tám triệu, S1 trăm hai mười bảy nghìn, bảy trăm S1 mươi tư đồng); trong đó: Nợ gốc 631.661.661 đồng; nợ lãi : 176.966.103 đồng.

2.2. Ông Nguyễn Lương Đ và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả khoản nợ trên trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày 05/4/2023 đến ngày 05/6/2023. Nếu hết thời hạn trên ông Nguyễn Lương Đ và bà Nguyễn Thị H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp thể thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 593. Tờ bản đồ số 3; địa chỉ: Cụm 9, xã C, huyện T, Thành phố H, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của hộ ông Nguyễn Lương Đ1 (gồm các thành viên: Nguyễn Lương Đ1, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Lương Đ, Nguyễn Thị X, Nguyễn Lương S). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S286342, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01392.QSDĐ/1513/QĐ-UB-H do UBND huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố H) cấp ngày 30/9/2004 đứng tên hộ ông Nguyễn Lương Đ1.

2.3. Ông Nguyễn Lương Đ và bà Nguyễn Thị H tiếp tục phải trả lãi phát sinh đối với số tiền gốc chưa thanh toán, kể từ ngày 05/4/2023 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ đã ký.

2.4. Về án phí: ông Nguyễn Lương Đ và bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 18.129.000 đồng (*Mười tám triệu một trăm hai mươi chín nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Phương Đ1 số tiền **16.656.000** đồng (*Mười S1 triệu S1 trăm năm mươi S1 nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0025757 ngày 29/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- THADS huyện T;
- TANDTP H; VKSNDTP H;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thủy